

Bản án số: 1219/2024/HS-PT
Ngày 25 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 942/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Xuân T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có kháng cáo: Bùi Xuân T, sinh năm 1981 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Số 60/79 Lý Chính Thắng, Khu phố 3, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Xuân Liễn (chết) và bà Chu Thị Minh Tâm (chết); Chung sống như vợ chồng với Bùi Thị Ngọc Châu, có 02 con; Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 208/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành hình phạt xong ngày 17/01/2021; Tiền sự: Quyết định số 10/QĐ-XPHC ngày 22/02/2022 của Công an quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ phạt

1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa nộp phạt; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 05/HSST ngày 11/01/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Bản án hình sự sơ thẩm số 203/2011/HSST ngày 28/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2014/HS-ST ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Ngày 15/3/2024 bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Đoàn Trọng Nghĩa, Văn phòng luật sư Đoàn Trọng Nghĩa thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Ngoài ra còn có 01 người bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01 năm 2021, Bùi Xuân T làm tài xế ô tô cho gia đình ông Trần Văn Thanh T¹, bà Nguyễn Thị Hồng P nên T được giao quản lý chìa khóa xe ô tô biển số 65A-271.69 để đưa đón ông T¹, bà P. Hàng ngày, sau khi sử dụng xe thì ông T¹ yêu cầu T đỗ xe tại lề đường B19, Khu vực 9, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Khoảng tháng 6 năm 2021, T tự ý nghỉ việc thì ông T¹, bà P yêu cầu T trả lại chìa khóa xe nhưng T nói dối đã mất chìa khóa. Kể từ đó, ông T¹ sử dụng chìa khóa phụ của xe và hàng ngày sử dụng xe xong thì đậu xe ở vị trí mà T đã đậu xe trước đây, rồi về nhà, không có người trông coi xe.

Chiều ngày 12/01/2022, T đang uống bia thì Nguyễn Quang K điện thoại đến nên T rủ K đến uống bia. Khi ngồi vào bàn thì K nói một chút sẽ đi Thành phố Hồ Chí Minh thăm vợ, T nói với K “Ngồi nhậu chơi chút đi để tao lấy xe của ông anh chở mày đi” thì K đồng ý. Lúc này T nảy sinh ý định trộm xe nên khoảng 22 giờ cùng ngày, T và K đón Taxi đi đến cách nơi ông T¹ đậu xe khoảng 100 mét thì T kêu K xuống xe chờ, còn T đến dùng chìa khóa mở xe

điều khiển đến đón K cùng đi đến Thành phố Hồ Chí Minh thì K rủ T đến nhà của người phụ nữ tên Thảo (không rõ lai lịch) cùng uống bia và ngủ lại cho đến sáng hôm sau.

Khoảng 23 giờ cùng ngày 12/01/2022, ông T¹ phát hiện mất xe nên báo tin cho mọi người và nghi ngờ T lấy xe. Sáng ngày 13/01/2022 ông T¹ điện thoại cho T thì T nói không có lấy xe nên ông T¹ báo Công an. Lúc này T biết ông T¹ đã phát hiện mất xe nhưng sợ đem xe về trả sẽ bị bắt nên mượn điện thoại của K gọi cho anh Bùi Xuân C (anh cùng cha khác mẹ với T) và thú nhận đã lấy xe của ông T¹ thì anh C kêu T đậu xe nơi công an gần nhất nên T đem xe đến đậu ở đoạn đường Lê Hồng Phong, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh rồi thuê người đàn ông không rõ lai lịch mang chìa khóa xe gửi cho Công an Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến chiều cùng ngày, T dùng điện thoại của K điện báo cho ông T¹ và anh C biết chỗ đậu xe. T nói cho K biết là T trộm xe nên K kêu về trình diện và trả xe cho chủ nhưng T nói sợ bị bắt nên K nhờ Đỗ Hữu L thuê Taxi chở T và K đến thuê trọ ở huyện Bến Lức, tỉnh Long An. K tiếp tục kêu T đầu thú nhưng T không đồng ý. Ở trọ chung khoảng 10 ngày thì T và K chia tay, không còn liên hệ nhau. K về đến Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bắt trong vụ trộm khác và bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp phạt 03 năm tù, còn T thì về thành phố Cần Thơ chung sống như vợ chồng với Bùi Thị Ngọc Châu cho đến ngày 08/01/2024 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ khởi tố về tội trộm cắp tài sản liên quan trong vụ án khác và bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2024 đến nay.

Bản Kết luận định giá tài sản số 663/KL-HĐĐGTS ngày 16/3/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kết luận: Một xe ô tô hiệu Toyota Camry 2.5Q màu đen, loại 05 chỗ ngồi, biển số 65A-271.69 đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 12/01/2022 là 600.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 38/CT-VKSCT-P2 ngày 22/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố bị cáo Bùi Xuân T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 13 (*Mười ba*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2024, bị cáo Bùi Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Bùi Xuân T khai nhận có thực hiện hành vi như Bản án sơ thẩm đã xét xử là không oan, nhưng hình phạt quá nặng nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù vì bị cáo là lao động chính đang nuôi 02 con còn nhỏ, vợ đã bị bắt trong vụ án khác, cha mẹ đều chết không còn người thân nuôi 02 con, xin được khoan hồng để sớm về nuôi con và trở thành người có ích cho xã hội.

Luật sư đề nghị xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã trả xe cho bị hại, hậu quả đã được khắc phục xong, người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, cha mẹ của bị cáo đều đã mất, vợ bị bắt trong vụ án khác, bị cáo là lao động duy nhất phải nuôi hai con còn rất nhỏ, xin được giảm hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự, đơn kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Về nội dung Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đã xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân T đảm bảo hình thức, thời hạn, nội dung, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Biên bản thu giữ vật chứng, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định ngày 12/01/2022, bị cáo Bùi Xuân T lấy trộm 01 xe ô tô của bị hại, trị giá xe là 600.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, đã gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, tác động rất xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Bản án sơ thẩm đã cân nhắc bị cáo có một tình tiết tăng nặng là tái phạm và đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Khắc phục hậu quả (đã trả xe), thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đã xử phạt 13 năm tù đã là mức thấp của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Bị cáo có quá trình nhân thân rất xấu, nhiều lần bị phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn không sửa chữa bản thân, nên cần phải dành thời gian dài cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và lời bào chữa của luật sư, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Bùi Xuân T 13 (Mười ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Bị cáo Bùi Xuân T phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Các Sở Tư pháp: TP.HCM, Tiền Giang, Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam Công an TP. Cần Thơ;
- Bị cáo (Trại tạm giam tổng đạt);
- Lưu: HS, VP (NTHN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

